

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CTCSGD TRẺ KHỐI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI NĂM HỌC 2025-2026

	Mục tiêu năm học	Nguồn	Nội dung năm học	Nguồn	Các yếu tố lồng ghép	PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG										Cộng	Ghi chú về sự điều chỉnh (nếu có)
						TM N	BT	GD	NN	HTT N	TGT V	T&MX	GT	TGD V	QH, ĐN, BH, TTH		
1						3	4	3	5	3	3	3	3	4	4		
2						8/9-27/09	29/09 – 25/10	27/10 – 15/11	17/11 – 20/12	22/12/2025 – 10/1/2026	19/1 – 07/02	09/02 - 07/03	09/03 – 28/03	30/03 – 25/04	27/4 – 23/5		
3	I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT																
4	A. Phát triển vận động																
5	1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp																
6	Thực hiện đúng kỹ thuật và thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh, nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	KQMD	Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục chủ đề	KQMD		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
7	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động																
8	* Vận động: đi																
9	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đứng 1 chân giữ thẳng người trong vòng 10 giây	KQMD	Đứng một chân, giữ thẳng người trong 10 giây	KQMD		x			x					x		3	
10	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi đúng kỹ thuật	NDC T	Đi bằng mép ngoài bàn chân	NDCT			x									1	
11		KQM Đ		NDCT				x								1	
12	Có kĩ năng vận động thô- Chuẩn 3. Thực hiện các vận động đi lên - xuống trên mặt phẳng nghiêng không cần sự hỗ trợ- Chỉ số 5	BCPT TE5T	Đi trên ván kê dốc dài 2,5, rộng 0,3, một đầu kê cao 0,3m	BCPT TE5T										x		1	

13	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên dây	NDC T	Đi trên dây	NDCT		x											1		
14	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi lối gót bàn chân tiến,lùi	NDC T	Đi nổi bàn chân tiến	NDCT		x											1		
15		NDC T	Đi nổi bàn chân lùi	NDCT					x								1		
16	Kiểm soát được vận động, phản xạ nhanh khi đi thay đổi tốc độ,hướng, zíc zắc theo hiệu lệnh	NDCT	Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	NDCT								x			x		2		
17		NDCT	Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh	NDCT					x							x	2		
18		NDCT	Đi thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh	NDCT								x						1	
19	Giữ được thăng bằng cơ thể, không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục	KQM Đ	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) đầu đội túi cát	BC							x						1		
20	Mạnh mẽ, khéo léo, phối hợp nhịp nhàng khi đi theo đội	ĐP	Đi theo đội hình, đội ngũ, đi đều bước	ĐP						x							1		
21									x									1	
22	Có thể lực tham gia tích cực các hoạt động - Chuẩn 1	BCPT TE5T	Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở) - Chỉ số 1	BCPT TE5T				x									x	2	
23			Thường xuyên tham gia các hoạt động thể chất - Chỉ số 2							x				x					2
24	Thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường - Chuẩn 2	BCPT TE5T	Duy trì thể lực khi tham gia hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi - Chỉ số 3	BCPT TE5T							x							1	
25			Dễ dàng tham gia hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới - Chỉ số 4											x					1
26	* Vận động: chạy																		
27	Kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ ít nhất 3 lần theo đúng hiệu lệnh	NDCT	Chạy thay đổi hướng vận động tốc độ theo đúng hiệu lệnh	NDCT	E						x			x				2	

[illegible]

51	Tập trung, khéo léo thực hiện vận động chuyền, bắt bóng qua đầu chuyển ra sau lưng hoặc ra phía trước	TLH D	Chuyền, bắt bóng qua đầu chuyển ra sau lưng hoặc ra phía trước	TLHD				x									1	
52	Tập trung, khéo léo thực hiện vận động chuyền, bắt bóng qua chân	TLHD	Chuyền, bắt bóng qua chân	TLHD					x				x				2	
53	Biết dùng một số bộ phận cơ thể để giữ bóng	ĐP	Giữ bóng bằng 2 chân kết hợp đi tiến về phía trước 2m	ĐP						x				x			2	
54		ĐP	Giữ bóng bằng 2 cẳng tay kết hợp đi tiến về phía trước 2m						x				x				2	
55	Trẻ có kỹ năng vận động thô - Chuẩn 3 Phối hợp với người khác thực hiện vận động có sử dụng dụng cụ - Chỉ số 7	BCPT TE5T	Chạy tiếp sức	BCPT TE5T								x					1	
56	* Vận động: Bật, nhảy																	
57	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật xa tối thiểu 50 cm	NDCT	Bật xa tối thiểu 50cm	BC										x			1	
58	Giữ được thăng bằng khi bật nhảy từ độ cao 40-45cm xuống	NDCT	Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 40-45cm)	NDCT			x										1	
59	Mạnh dạn, tự tin, dứt khoát khi thực hiện vận động bật liên tục vào 5-7 vòng. (Tích hợp : SEL: Biết chờ đến lượt)	ĐP	Bật liên tục vào vòng	ĐP	SEL			x									1	
60	Có kỹ năng vận động thô - Chuẩn 3 Thực hiện phối hợp các vận động vượt qua chướng ngại vật không cần sự hỗ trợ - Chỉ số 5	BCPT TE5T		BCPT TE5T										x			1	
61	Bật tách chân, khép chân qua 7 ô liên tục, không dẫm vạch	NDCT		NDCT								x					1	

[illegible]

80	Ghép và dán được các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhầm	KQM Đ	Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu theo chủ đề GD	NDC T				x								1	
81			Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu theo chủ đề PTGT									x				1	
82			Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu theo chủ đề TGTV								x					1	
83			Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu theo chủ đề TGĐV										x			1	
84			Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu theo chủ đề TMN			x										1	
85	Biết sử dụng các ngón tay để thực hiện vận động bẻ, nắn.	NDC T	Nặn các hình từ đất dẻo	NDCT					x	x						2	
86		NDC T	Nặn các hình từ đất sét	NDC T							x		x			2	
87		NDC T	Nặn các hình từ bột nặn	NDCT			x			x						2	
88	B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe																
89	1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe																
90	Nhận biết được 4 nhóm thực phẩm và lựa chọn được một số thực phẩm khi gọi tên nhóm	KQM Đ	Nhận biết thực phẩm theo nhóm chất dinh dưỡng	NDCT		x					x				x	3	
91	Nói được một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, xào; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo có thể nấu cơm, cháo.	KQM Đ	Làm quen với một số thao tác cơ bản trong chế biến một số món ăn, thức uống đơn giản từ động vật						x				x	x		3	
92		KQM Đ	Làm quen với một số thao tác cơ bản trong chế biến một số món ăn, thức uống đơn giản từ thực vật	KQM Đ		x					x				x	3	

93	Nói được một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, xào; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo có thể nấu cơm, cháo.	KQMD	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	NDCT	E		x	x	x	x	x	x		x	x	x	9	
94	Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất, đủ lượng	NDCT	Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất, đủ lượng	NDCT					x			x					2	
95	Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	NDCT	Nhận biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	NDCT								x			x		2	
96	Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe (Điều 15: quyền chăm sóc nuôi	KQM Đ	Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	KQM Đ	QTE			x		x				x			3	
97		KQMD	Ăn chín, uống sôi, không ăn đồ ngọt, uống nước có ga, không kén chọn thức ăn, ăn hết suất	KQMD	QTE								x		x		2	
98	Biết cách phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	TLHD	Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sống sạch , an toàn	TLHD			x			x		x					3	
99		TLHD	Phân biệt thực phẩm/ thức ăn chín sạch, an toàn	TLHD							x	x					2	
100	Biết một số cách chọn và bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản.	TLHD	Cách lựa chọn, bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản	TLHD									x				1	
101	Biết lựa chọn ăn/không ăn những thức ăn có hại cho sức khỏe	BC	Thức ăn có lợi/ có hại cho sức khỏe con người	BC										x	x		2	
102	Biết một số cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản.	TLHD	Cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản	TLHD									x		x	x	3	
103	Biết lựa chọn ăn/không ăn những thức ăn có lợi/có hại cho sức khỏe	BC	Thức ăn có lợi/ có hại cho sức khỏe con người	BC										x		x	2	

104	Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi để khỏe mạnh.(Điều 15: Quyền chăm sóc nuôi dưỡng)	KQMD	Ăn đa dạng nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống sôi.	NDCT	QTE	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
105	Biết một số thói quen ăn uống tốt (ăn chậm, nhai kỹ, không kén chọn thức ăn, không vừa nhai vừa nói,...) (Điều 15: Quyền chăm sóc nuôi dưỡng)	TLHD	Trẻ có quyền được chăm sóc nuôi dưỡng: Thói quen ăn uống tốt/không tốt	TLHD	QTE	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
106	Trẻ được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng theo khoa học (Điều 15: Quyền chăm sóc nuôi dưỡng)	NDCT	Hướng dẫn cách chế biến một số món ăn dành cho trẻ	NDCT	QTE			X							X	2	
107		NDCT	Một số chế độ ăn khi trẻ bị bệnh (táo bón, tiêu chảy, sốt, suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì,...)	NDCT	QTE			X						X		2	
108		ĐP	- Hướng dẫn kỹ thuật sơ cứu thông thường	ĐP					X				X			2	
109	2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt																
110	Thực hiện được 1 số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng	KQMD	Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.	NDCT		X										1	
111	Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (Điều 14: Quyền chăm sóc sức khỏe)	BC	Trẻ có quyền được chăm sóc sức khỏe: Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	BC	E QTE		X	X	X	X	X	X	X	X	X	9	
112	Thực hiện được 1 số việc đơn giản: tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.(Điều 14: Quyền chăm sóc sức khỏe)	KQMD	Trẻ có quyền được chăm sóc sức khỏe:Tự thay quần áo ướt, bẩn và để vào nơi quy định	NDCT	QTE			X			X				X	3	
113	Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong xả nước cho sạch (Tích hợp: SEL : Biết chờ đến lượt)	ĐP	Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	ĐP	SEL				X		X					2	

114	Trẻ có kĩ năng vận động tinh - Chuẩn 4	BCPT TE5T	Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ - Chỉ số 9	BCPT TE5T		x	x	x	x	x	x		x	x	x	9	
115	Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo, khéo léo	KQM Đ	Sử dụng đồ dùng ăn uống	NDCT		x									x	2	
116	3. Hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe																
117	Có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống và chủ động thực hiện hàng ngày. (Tích hợp : SEL : Biết chịu trách nhiệm với việc làm)	ĐP	Mời cô, mời bạn khi ăn	ĐP	SEL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
118		KQMĐ	Ăn từ tốn, nhai kỹ, không đùa nghịch trong lúc ăn, không vừa nhai vừa nói, biết nhặt cơm rơi vào đĩa	KQMĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
119		KQMĐ	Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	KQMĐ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
120		KQMĐ	Không uống nước lã, ăn quả vật ngoài đường	KQMĐ				x		x						2	
121	Có một số thói quen tốt trong vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. (Điều 14: Quyền chăm sóc sức khỏe)	KQMĐ	Trẻ có quyền được chăm sóc: Vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.	KQMĐ	QTE	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
122	Có một số thói quen tốt khi ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.	KQMĐ	Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.	KQMĐ			x		x			x		x		4	
123	Có một số thói quen tốt khi bỏ rác đúng nơi quy định; không khạc nhổ bừa bãi	KQMĐ	Bỏ rác đúng nơi quy định; không khạc nhổ bừa bãi	KQMĐ						x					x	2	
124	Có một số thói quen tốt khi đi vệ sinh đúng nơi quy định	KQMĐ	Đi vệ sinh đúng nơi quy định	KQMĐ				x				x				2	
125	Có một số thói quen tốt khi hắt hơi, ho, ngáp	KQMĐ	Che miệng khi hắt hơi, ho, ngáp	KQMĐ				x							x	2	
126	Biết lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết (Tích hợp: SEL :Biết nói ra điều	ĐP	Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết	ĐP	SEL		x					x		x		3	
127		NDC T		NDC T			x			x				x		3	
128	Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. (Tích hợp: SEL Biết nói ra điều mình muốn)	ĐP	Nhận biết một số biểu hiện khi bị ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh	ĐP	SEL			x		x						2	

129	Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (Điều 14: Quyền chăm sóc sức khỏe)	NDCT	Trẻ có quyền được giữ gìn vệ sinh cá nhân cho trẻ.	NDCT	QTE							x		x			2	
130		NDCT	Tập làm vệ sinh môi trường	ĐP		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		10	
131	Biết bỏ rác đúng nơi quy định	KQM Đ	Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp	KQM Đ		x	x										2	
132	Thực hiện ăn, uống lành mạnh và có thói quen vệ sinh cơ bản - Chuẩn 5	BCPT TEST	Nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích đối với sức khỏe - Chỉ số 10	BCPT TEST				x					x				2	
133			Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (đảm bảo vệ sinh) và lành mạnh (có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân) - Chỉ số 11					x						x		2		
134			Thực hiện các yêu cầu giữ gìn vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi - Chỉ số 12						x			x				2		
135	4. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và cách phòng tránh																	
136	Biết một số đồ vật bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, vật sắc nhọn (Điều 12: Quyền sống)	KQM Đ	Trẻ có quyền phòng chống tai nạn thương tích:Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm (bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, các vật sắc nhọn...)	KQM Đ	QTE		x	x		x			x				4	
137	Biết những nơi như hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm là	KQM Đ	Nhận biết một số khu vực nguy hiểm (ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi	NDCT		x							x		x		3	
138	nguy hiểm và nói được mỗi nguy					x		x							x		3	

139	Biết tránh một số nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại hoa quả có hạt dễ bị hóc sặc	KQMD	Nhận biết một số nguy cơ không an toàn khi ăn, uống.	KQMD								x	x			2	
140	Biết không tự ý lấy thuốc uống	KQM Đ	Nhận biết và không tự uống thuốc	KQM Đ			x		x		x					3	
141	Biết và không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không ăn lá, quả lạ..không uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	KQMD	Nhận biết những loại ăn thức ăn có mùi ôi thiu, lá, quả lạ., đồ uống có ga, rượu, bia, và phê, thuốc lá.	KQMD				x						x	x	3	
142	Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu...(Điều 12: Quyền sống)	KQMD	Trẻ có quyền:Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu...	KQMD	QTE				x				x			2	
143	Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Người lạ bế ẵm, rủ đi chơi, cho đồ ăn, ra khỏi nhà/trường/lớp một mình khi chưa được người lớn cho phép (Điều 12: Quyền sống)	KQMD	Trẻ có quyền đảm bảo môi trường học an toàn:Nhận biết trường hợp không an toàn: - Người lạ bế ẵm, rủ đi chơi, cho đồ ăn.	KQMD	QTE	x	x						x			3	
144	Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Người lạ bế ẵm, rủ đi chơi, cho đồ ăn, ra khỏi nhà/trường/lớp một mình khi chưa được người lớn cho phép (Điều 12: Quyền sống)	KQM Đ	Trẻ có quyền đảm bảo môi trường học an toàn:Nhận biết trường hợp không an toàn: - Tự ý đi ra khỏi nhà/trường/lớp một mình khi chưa được người lớn cho phép		QTE	x			x						x	3	
145	Biết địa chỉ, số điện thoại của người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người giúp đỡ	KQMD	Địa chỉ, số điện thoại của người thân	KQMD			x						x			2	
146	Biết kêu cứu, gọi người giúp đỡ khi gặp nguy hiểm	KQM Đ	Nhận biết các số điện thoại trợ giúp: 111,113,114,115	TLHD					x			x				2	

159	Biết được sự giống và khác nhau giữa mình và bạn về một số bộ phận trên cơ thể, chiều cao, cân nặng (Tích hợp: SEL : Nhận biết sự khác biệt giữa mọi người)	ĐP	So sánh một số bộ phận trên cơ thể của mình, của bạn về độ cao thấp, sự thay đổi của bản thân về chiều cao cân nặng	ĐP	SEL		X											1	
160	2. Đồ vật:																		
161	* Đồ dùng, đồ chơi																		
162	Biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi (Điều 33 : Quyền tiếp cận thông tin và hoạt động xã hội)	NDC T	Trẻ em có quyền biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi phù hợp chủ đề Trường mầm non	NDCT	A_S QTE	X												1	
163			Trẻ em có quyền biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi phù hợp chủ đề gia đình					X										1	
164	Biết được mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng/ đồ chơi quen thuộc	NDC T	Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ chơi/đồ dùng quen thuộc	NDCT		X												1	
165	Biết sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi	NDC T	So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng theo chủ đề TMN	NDCT		X												1	
166	Biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu	NDC T	Phân loại đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu chủ đề TMN	NDCT		X												1	
167		NDC T	Phân loại đồ dùng theo 2-3 dấu hiệu theo chủ đề GD	NDCT			X											1	
168	Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	KQM Đ	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận theo chủ đề	KQM Đ	A- S	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
169	* Phương tiện giao thông																		

170	Biết đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu (Điều 33 : Quyền tiếp cận thông tin và hoạt động)	NDCT	Trẻ có quyền biết:Đặc điểm, công dụng của một	NDCT	QTE								x				1	
171		NDCT	điểm, công dụng của một	NDCT									x				1	
172		NDCT	Phân loại PTGT theo 2 - 3 dấu hiệu	NDCT									x				1	
173	3. Động vật và thực vật																	
174	Biết đặc điểm, ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại con vật, cây, hoa, quả (Điều 33 : Quyền tiếp cận thông tin và hoạt động xã hội)	NDCT	Đặc điểm, ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại loại cây, hoa, quả.	NDCT							x						1	
175			Trẻ có quyền biết: Đặc điểm , ích lợi , tác hại ,quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại con vật	NDCT	QTE A- S									x			1	
176	Biết so sánh nhận ra sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	NDCT	So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số cây, hoa, quả.	NDCT							x	x					2	
177		NDCT	So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật.	NDCT											x		1	
178	Biết phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu (Điều 33 : Quyền tiếp cận thông tin và hoạt động xã hội)	NDCT	Trẻ có quyền nhận biết và phân loại cây, hoa, quả	NDCT	QTE						x						1	
179		NDCT	Phân loại con vật theo 2-3 dấu hiệu	NDCT											x		1	
181	Có khả năng tự quan sát, phán đoán để phát hiện được mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống	NDCT	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống	NDCT							x						1	
182		NDCT	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống	NDCT											x		1	
183	Biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây (Tích hợp: SEL: Chăm sóc hài hòa với thiên nhiên,môi trường)	NDC T	Chăm sóc và bảo vệ cây	NDCT	SEL						x						1	
184		ĐP	Chăm sóc và bảo vệ con vật	ĐP											x		1	

185	Thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học - Chuẩn 17	BCPT TEST	Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên - Chỉ số 50	BCPT TEST						x							1	
186			Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm - Chỉ số 51										x			1		
187			Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống - Chỉ số 52										x				1	
188	4. Một số hiện tượng tự nhiên																	
189	* Thời tiết, mùa																	
190	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống (Điều 33 : Quyền tiếp cận thông tin và hoạt động xã hội)	BC	Trẻ có quyền biết : Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	BC	QTE							x					1	
191	Biết một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm (Điều 34: Quyền Bày tỏ ý kiến)	NDCT	Trẻ có quyền biết:Thời tiết thay đổi theo mùa	NDCT	QTE						x						1	
192		NDCT	Thứ tự các mùa trong năm	NDCT							x						1	
193	Biết được ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt của con người và sự thay đổi của con vật và cây theo mùa	NDC T	Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người theo mùa	NDCT				x									1	
194		NDCT	Sự thay đổi trong sinh hoạt của con vật theo mùa	NDCT										x			1	
195		NDCT	Sự thay đổi trong sinh hoạt của cây theo mùa	NDCT							x						1	
196	Dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	BC	Dấu hiệu dự báo về sự xuất hiện của một số hiện tượng tự nhiên	BC						x							1	
197	Hiện tượng tự nhiên*																	

[illegible]

214	Thực hiện được một số thao tác cơ bản với máy tính	NDC T	Một số thao tác cơ bản với máy tính: tắt, mở, di chuyển chuột, kích chuột, mở thư mục							x		x	x			x	4	
215	B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán																	
216	1. Nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự, đếm																	
217	Biết đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	KQM Đ	Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng	NDCT		x	x	x	x	x			x			x	7	
218	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		Nhận biết các con số, số lượng và đếm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
219	Nhận biết các con số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	KQM Đ	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 6	NDCT		x											1	
220			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 7					x								1		
221			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 8							x							1	
222			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 9								x						1	
223			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10													x		
224	Biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQM Đ	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau	KQM Đ		x											1	
225			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau						x								1	
226			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 8 bằng các cách khác nhau									x						1

227	nhiều nhất, ít hơn, ít nhất		So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 9 bằng các cách khác nhau									x			1	
228			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau										x		1	
229	Biết gộp, tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, đếm và nói kết quả	KQM Đ	Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 6	NDCT			x								1	
230			Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 7					x							1	
231			Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 8							x					1	
232			Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 9								x				1	
233			Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 10										x		1	
234	Biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	KQM Đ	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số tuổi, số nhà, số điện thoại,...)	NDCT				x							1	
235		KQM Đ	Nhận biết ý nghĩa các biển số xe	NDCT								x			1	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

284	Nhiệm Diet và tne mien ki nang phù hợp Khi tiếp cận công nghệ số - Chuẩn 18	BCPT TE5T	Thể hiện kĩ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số - Chỉ số 54	BCPT TE5T			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
285	III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ'																	
286	A. Nghe hiểu lời nói																	
287	Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể	KQM Đ	Hiểu và làm theo 2 - 3 yêu cầu liên tiếp	NDCT						X						X	2	
288	Hiểu nghĩa của từ khái quát, từ trái nghĩa	KQM Đ	Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	NDCT						X		X				X	3	
289	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	KQMĐ	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	NDCT					X		X						2	
290	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề (Điều 16: Quyền được giáo dục & phát triển năng khiếu)	NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và chủ đề	NDCT	QTE SEL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
291	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện (Điều 16: Quyền được giáo dục & phát triển năng khiếu)	NDCT	Nghe các bài Nghe các bài hát, bài thơ ca dao đồng dao, tục ngữ câu đố, hò, vè phù hợp chủ đề TMN	NDCT	QTE	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
292	Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi và biết sử dụng phù hợp hoàn cảnh (SEL)	ĐP	Một số sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) và sử dụng phù hợp	ĐP			X		X						X		3	
293	Nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp - Chuẩn 11	BCPT TE5T	Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói - Chỉ số 30	BCPT TE5T		X				X					X		3	
294			Nghe hiểu và phản hồi thông tin đơn giản - Chỉ số 31					X				X		X	3			
295	B. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày																	

[illegible]

304	Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	KQM Đ	Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự phù hợp với chủ đề	NDCT		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
305	Đóng được vai của nhân vật trong truyện (Điều 34: Quyền bày tỏ ý kiến)	KQM Đ	Đóng kịch phù hợp chủ đề	NDCT	QTE			X	X				X			3	
306	Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống. (Tích hợp :SEL: Giao tiếp lịch sự, Chia sẻ đồ chơi)	ĐP	Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.	ĐP	SEL	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
307	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh (Điều 14: Quyền chăm sóc nuôi dưỡng)	KQMĐ	Nói và thể hiện cử chỉ đều bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp	NDCT	QTE	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	10	
308	Kể chuyện theo tranh phù hợp với chủ đề	NDC T	Kể chuyện theo tranh phù hợp với chủ đề	NDCT		X				X				X		3	
309	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện	BC	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện	BC		X				X				X		3	
310	Không nói tục, chửi bậy	BC	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	BC	A-S			X			X		X			3	
311	Nói và sử dụng lời nói trong giao tiếp - Chuẩn 11	BCPT TE5T	Nói để người khác hiểu - Chỉ số 32	BCPT TE5T					X							1	
312			Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp - Chỉ số 33			X		X							2		
313	C. Làm quen với việc đọc - viết																
314	Chọn sách để “đọc” và xem	KQM Đ	Xem các loại sách khác nhau.	KQM Đ		X				X			X			3	
315		KQM Đ	Nghe đọc các loại sách khác nhau.	KQM Đ						X				X		2	
316	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	KQM Đ	Kể chuyện theo tranh minh họa	KQM Đ					X							1	
317		KQM Đ	Kể chuyện theo kinh nghiệm của bản thân	KQM Đ										X		1	

[illegible]

330		KQM Đ	Sao chép một số kí hiệu, tên của mình.	NDCT			X	X	X		X	X	X	X	X		8	
331	Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói	BC	"Viết thư"	NDCT						X							1	
332	Bắt chước hành vi viết	BC	"Viết" tên của bản thân theo cách của mình	BC				X	X					X			3	
333	Sẵn sàng cho việc học đọc- Chuẩn 13	BCPT TE5T	Thích và có hành vi phù hợp với sách và tài liệu in - Chỉ số 36	BCPT TE5T			X			X				X			3	
334			Nhận biết một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống - Chỉ số 37					X		X			X		3			
335			Nhận biết và gọi tên chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt - Chỉ số 38							X		X			X	3		
336			Nghe và nhận ra âm thanh giống nhau trong tiếng - Chỉ số 39							X					X	2		
337	Sẵn sàng cho việc học viết - Chuẩn 14	BCPT TE5T	Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, "viết" - Chỉ số 40	BCPT TE5T					X			X	X		X		4	
338			Bắt chước hành vi "viết" - Chỉ số 41										X		X	2		
339	IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI																	
340	A. Phát triển tình cảm																	
341	1. Thể hiện ý thức về bản thân																	
342	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	KQM Đ	Họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân	BC				X									1	
343		KQM Đ	Họ và tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	BC					X								1	
344	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được (Tích hợp: SEL: Nhận biết cảm xúc qua nét mặt)	ĐP	Sở thích, khả năng của bản thân	ĐP	SEL			X					X				2	

[illegible]

355	Nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân - Chuẩn 7	BCPT TE5T	Gọi tên tối thiểu 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra cảm xúc đó - Chỉ số 17	BCPT TE5T				X						X					2	
356			Tự hào về đặc điểm riêng và khả năng của bản thân - Chỉ số 18						X										1	
357	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực																			
358	Có khả năng tự làm được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) (Tích hợp: SEL: Biết chịu trách nhiệm với việc làm)	ĐP	Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	ĐP	SEL	X			X	X	X	X				X	X		7	
359	Cố gắng tự hoàn thành đến cùng công việc được giao có sự giám sát của giáo viên. Tự nhận xét được mức độ hoàn thành công việc. Biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (Tích hợp: SEL: Biết chịu trách nhiệm với việc làm)	ĐP	Thực hiện công việc theo sự phân công và giám sát của cô giáo	ĐP	SEL									X					1	
360	Trẻ thích thú và tự tin khi tham gia vào các hoạt động ngày hội, ngày lễ, tham quan dã ngoại trong năm học (Điều 33: Quyền tiếp nhận thông tin & hoạt động xã hội)	ĐP	Trẻ có quyền: Thích thú và tự tin khi tham gia vào các hoạt động ngày hội đến trường của bé	ĐP	QTE	X	X	X						X			X	X	6	
361	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh																			
362	Nhận biết được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác (SEL)	ĐP	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc khác nhau: vui, buồn ,sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc	ĐP	SEL	X	X							X	X	X			5	

[illegible]

372	Trẻ có quyền nhận biết các kỳ nghỉ lễ	KQMD	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	ĐP	QTE								x			x	2	
373	trong năm và một số nét văn hóa của địa phương (Điều 18: Quyền giữ gìn bản sắc)	KQMD	Trẻ có quyền biết : Các kỳ nghỉ lễ trong năm	ĐP	QTE	x	x						x	x	x	x	6	
374	Có thể quản lí cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác - Chuẩn 8	BCPT TE5T	Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh - Chỉ số 19	BCPT TE5T				x									1	
375			Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh - Chỉ số 20						x		x		x				3	
376			Có trách nhiệm với bản thân, người khác và môi trường - Chỉ số 21			x				x				x			3	
377	Trẻ mong muốn, háo hức được vào lớp 1	ĐP	Bé thích vào lớp Một	ĐP												x	1	
378	B. Phát triển kỹ năng xã hội																	
379	1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội																	
380	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng:	KQM Đ	Một số quy định ở lớp bé	NDCT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
381	sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công	KQM Đ	Một số quy định ở gia đình ,lớp học	NDCT				x				x		x			3	
382	cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin	KQM Đ	Một số quy định ở nơi công cộng	NDCT					x				x				2	
383	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (Tích hợp SEL: Chọn cách ứng xử phù hợp)	ĐP	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ, lễ phép, lịch sự	ĐP	SEL	x			x	x	x	x	x				6	
384	Biết chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác	KQMD	Lắng nghe ý kiến của người khác, không ngắt lời người khác	KQMD		x			x				x		x		4	

385	Biết chờ đến lượt (Tích hợp SEL: Biết chờ đến lượt)	KQM Đ	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	NDCT	A SEL			x		x	x					3	
386	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm của mình với các bạn	KQMĐ	Lắng nghe và trao đổi ý kiến với người khác	BC		x			x	x			x	x		5	
387	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	KQMĐ	Cách đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	BC				x		x	x	x				4	
388	Biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	KQM Đ	Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	NDCT				x			x	x				3	
389	Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. (Tích hợp SEL: Biết quan tâm chia sẻ, Chia sẻ đồ chơi)	ĐP	Quan tâm, chia sẻ, nhường nhịn, giúp đỡ bạn.	NDCT	SEL				x		x	x	x		x	5	
390	Biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu" (Tích hợp SEL: Nhận biết và gọi tên các cảm xúc cơ bản)	ĐP	Nhận xét với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"	ĐP	SEL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
391		ĐP	Bày tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"		SEL		x				x					2	
392	Ứng xử phù hợp với người khác và môi trường - Chuẩn 9	BCPT TE5T	Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường - Chỉ số 22	BCPT TE5T		x					x				x	3	
393			Thể hiện hành vi ứng xử văn hóa với người khác và môi trường - Chỉ số 23			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
394			Tôn trọng sự khác biệt của người khác - Chỉ số 24				x			x						2	
395			Thích ứng với hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi - Chỉ số 25					x				x				2	

396			Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp - Chỉ số 26							x	x			x		3	
397			Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc - Chỉ số 27					x	x							2	
398	Thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác - Chuẩn 10	BCPT TE5T	Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa chữa - Chỉ số 28	BCPT TE5T						x	x					2	
399			Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác - Chỉ số 29				x					x			x	3	
400	2. Quan tâm đến môi trường																
401	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc (Tích hợp SEL: <u>Hài hòa với thiên nhiên, môi trường</u>)	ĐP	Bảo vệ, chăm sóc con vật	ĐP	SEL									x		1	
402		ĐP	Bảo vệ, chăm sóc cây cối	ĐP	SEL						x					1	
403	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày: bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cành, bứt hoa	KQMD	Giữ gìn vệ sinh môi trường	NDCT						x	x			x		3	
404	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày và biết nhắc nhở mọi người xung quanh cùng thực hiện	KQMD	Hành vi giữ gìn, bảo vệ môi trường	NDCT						x	x					2	
405	Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt	ĐP	Tiết kiệm điện trong sinh hoạt	ĐP	SEL					x						1	
406	khí ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức	ĐP	Tiết kiệm nước trong sinh hoạt	ĐP	SEL					x		x			x	3	
407	c. Tiếp cận với việc học																
408			Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng - Chỉ số 64							x						1	
409			Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ và hoạt động - Chỉ số 65								x					1	

410	Tự chủ với việc học - Chuẩn 21	BCP	Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng - Chỉ số 66	BCP			x		x						x	3	
411		TTE 5T	Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động - Chỉ số 67	TTE5 T				x					x			2	
412			Hợp tác làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu - Chỉ số 68						x					x			2
413	Giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống - Chuẩn 22	BCPT TE5T	Thảo luận, giải thích, trình bày suy nghĩ của bản thân - Chỉ số 69	BCPT TE5T			x									1	
414			Thực hiện một số kĩ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống - Chỉ số 70					x					x			2	
415	V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ																
416	A. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật																
417	Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.(Điều 16: Quyền giáo dục và phát triển năng khiếu)	KQMD	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc	NDCT						x		x		x		3	
418		KQMD	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống	NDCT								x	x			2	
419		KQMD	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	NDCT	QTE				x			x	x	x			4

420	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	KQMD	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	NDCT		x		x	x		x				x	5	
421	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	KQMD	Nghe bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; câu chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện; sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	NDCT			x		x		x		x			4	
422	Thích thú, ngắm nhìn và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình (Tích hợp SEL:Biết nói ra điều mình muốn)	ĐP	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	NDCT	SEL	x		x	x		x		x			5	
423	Thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật - Chuẩn 19	BCPT TE5T	Bộc lộ cảm xúc trước cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật - Chỉ số 55	BCPT TE5T						x		x			x	3	
424			Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống - Chỉ số 56				x		x				x			3	
425			Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật - Chỉ số 57			x		x				x				3	
426			Thể hiện một số hiểu biết của bản thân về nghệ thuật truyền thống - Chỉ số 58						x			x				2	

427			Có hành vi thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật, cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống							x		x	x			x	4	
428	B. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình																	
429	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	KQM Đ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát phù hợp với chủ đề	NDCT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
430	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo các loại tiết tấu ,múa)	KQM Đ	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu phù hợp với chủ đề						x	x		x					3	
431			Biểu diễn các kỹ năng ca hát; vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc phù hợp với chủ đề	NDCT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
432	Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm (Điều 16: Quyền giáo dục và phát triển năng khiếu)	KQM Đ	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm theo chủ đề		A_S	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
433			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối theo chủ đề TGTV	NDCT							x						1	
434			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối theo chủ đề QH,ĐN,BH,TTH									x				x	2	
435	Biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (Điều 16: Quyền giáo dục và phát triển năng khiếu)	KQM Đ	Xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối phù hợp với chủ đề GD	NDCT	QTE		x						x	x			3	

436	Biết phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối (Điều 16: Quyền giáo dục và phát triển năng khiếu)	KQM Đ	Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối phù hợp chủ đề	NDCT	QTE	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
437	Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục	KQMĐ	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục	NDCT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
438	Biết pha trộn màu để tạo ra màu mới (Điều 16: Quyền giáo dục và phát triển năng khiếu)	ĐP	Pha trộn màu nước	ĐP	QTE						x			x		2	
439	Trẻ biết cách chơi các trò chơi âm nhạc	ĐP	Chơi các trò chơi âm nhạc phù hợp chủ đề	ĐP		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
440	Trẻ biết phối hợp các nét gấp tạo thành các sản phẩm khác nhau phù hợp chủ đề	ĐP	Phối hợp các nét gấp tạo thành các sản phẩm khác nhau phù hợp chủ đề	ĐP			x			x		x		x		4	
441	C. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)																
442	Có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	KQM Đ	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	NDCT			x			x		x			x	4	
443	Có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	KQMĐ	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	NDCT			x	x			x		x		x	5	
444	Biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	KQMĐ	Tự tạo ra tiết tấu khi nghe nhạc, nghe hát bằng cách gõ đệm bằng dụng cụ gõ	KQM Đ		x			x		x	x			x	5	
445	Có khả năng đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	KQMĐ	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	NDCT				x			x	x				3	

446	điều một bài hát, bài nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	KQMĐ	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích chủ đề	NDCT		x			x	x	x					4	
447	Có khả năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	KQMĐ	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	NDCT	A-S	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
448	Biết luân chuyển sản phẩm tạo hình sang một số góc chơi phù hợp	ĐP	Luân chuyển sản phẩm tạo hình sang một số góc chơi phù hợp với chủ đề	ĐP	A-S	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	10	
449	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình (Tích hợp : SEL: Biết nói ra điều mình muốn)	ĐP	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	ĐP	SEL	x	x			x		x			x	5	
450	Sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân - Chuẩn 20	BCPT TE5T	Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc - Chỉ số 60	BCPT TE5T			x				x		x			3	
451			Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về sản phẩm đó - Chỉ số 61					x			x	x	x		4		
452			Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật - Chỉ số 62								x		x		2		
453			Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...) - Chỉ số 63			x			x			x			x	4	
CỘNG TỔNG SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG PHÂN BỐ VÀO CHỦ ĐỀ						101	106	104	115	106	110	111	102	117	110	1082	
Trong đó: - Lĩnh vực thể chất (Phần vận động)						14	15	15	18	15	16	13	13	21	19	159	
- Lĩnh vực thể chất (Phần chăm sóc nuôi dưỡng)						22	22	23	22	19	22	22	22	25	21	220	
- Lĩnh vực nhận thức						13	15	16	14	16	18	13	13	16	16	150	
- Lĩnh vực ngôn ngữ						18	14	16	21	21	15	15	19	19	17	175	

- Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội	19	23	21	21	20	21	24	18	19	20	206	
- Lĩnh vực thẩm mỹ	15	17	13	19	15	18	24	17	17	17	172	



NGƯỜI DUYỆT
T/M BQH PHÓ HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP
TỔ TRƯỞNG

LÊ KIM OANH

NGUYỄN THỊ HOA